

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

Bản án số: 06/2025/DS-ST

Ngày: 23-01-2025

“V/v T/c Hợp đồng vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hạnh.
2. Bà Đỗ Thị Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 397/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 173/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐ-HPT ngày 06 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành Ng, sinh năm 1956 và bà Lê Thị Th, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Tổ A, thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Vũ Văn Đ, sinh năm 1976 và bà Hoàng Thị D, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(Bà Th có mặt, ông Ng, ông Đ, bà D vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Thành Ng và bà Lê Thị Th, trình bày: Do có mối quan hệ bà con nên vào ngày 27-7-2020, vợ chồng bà Hoàng Thị D, ông Vũ Văn Đ có hỏi vay của vợ chồng ông Ng, bà Th số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng), mục đích vay để làm ăn. Do vợ chồng ông Ng, bà Th không có tiền mặt và nghĩ chỗ

bà con nên mới vay tiền của Ngân hàng để cho vợ chồng bà D, ông Đ vay lại với số tiền 250.000.000 đồng. Hàng tháng vợ chồng bà D có nghĩa vụ trả lãi theo mức lãi suất của Ngân hàng mà ông Ng, bà Th đã vay theo Hợp đồng tín dụng. Việc vay tiền giữa hai bên có làm giấy tay, giấy tay này do bà Hoàng Thị D viết còn chồng của bà D là ông Đ ký vào giấy tay. Khi vay hai bên không thỏa thuận thời gian trả mà chỉ thỏa thuận khi nào cần lấy tiền ông Ng, bà Th sẽ báo trước.

Thời gian đầu sau khi vay, vợ chồng bà D, ông Đ có trả được 03 tháng tiền lãi theo mức lãi suất của Ngân hàng (Số tiền lãi này thực tế là đóng tiền lãi cho Ngân hàng vì ông Ng, bà Th chỉ vay giùm cho vợ chồng bà D và bà D là người trực tiếp chuyển khoản để đóng cho Ngân hàng).

Sau đó, do vợ chồng bà D không trả tiền lãi nữa nên từ tháng 11/2020 cho đến khi đáo hạn Ngân hàng thì hàng tháng ông Ng, bà Th phải đóng tiền lãi cho Ngân hàng trên số tiền gốc 250.000.000 đồng thay cho vợ chồng bà D.

Do ông Ng, bà Th cũng đã già, không có nguồn thu nhập để sống nên đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà D phải trả lại số tiền 250.000.000 đồng nhưng vợ chồng bà D cứ hẹn hết lần này đến lần khác. Khi vay tiền vợ chồng bà D cũng không thế chấp tài sản gì.

Nay, ông Ng, bà Th yêu cầu Tòa án buộc bà Hoàng Thị D và ông Vũ Văn Đ phải có nghĩa vụ trả số tiền vay còn thiếu là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) và không yêu cầu tính tiền lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông Đ, bà D theo quy định của pháp luật nhưng ông Đ, bà D vẫn không đến nên không lấy lời khai và hòa giải được.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng phần quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của ông Ng, bà Th về việc yêu cầu ông Đ, bà D trả tiền nợ vay, không yêu cầu tính tiền lãi là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Về án phí: Theo quy định của pháp luật thì ông Đ, bà D phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ trả số tiền vay còn thiếu nên theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự thì quan hệ

pháp luật tranh chấp được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản; nơi cư trú của bị đơn là xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Ng vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Vũ Văn Đ, bà Hoàng Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt (không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan) nên Tòa án tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả số tiền vay còn thiếu là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) và không yêu cầu tính tiền lãi, thấy:

Trong quá trình Tòa án giải quyết, nguyên đơn ông Ng, bà Th xác định do có mối quan hệ bà con nên vào ngày 27-7-2020, vợ chồng bà Hoàng Thị D, ông Vũ Văn Đ có hỏi vay của vợ chồng ông Ng, bà Th số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Vì không có sẵn tiền nên ông Ng, bà Th đã vay tiền Ngân hàng và trích lại cho ông Đ, bà D vay số tiền 250.000.000 đồng. Thời gian đầu sau khi vay, bà D, ông Đ có trả được 03 tháng tiền lãi theo mức lãi suất của Ngân hàng nhưng thực tế khoản tiền này do bà D trực tiếp chuyển khoản để đóng cho Ngân hàng còn ông Ng, bà Th không nhận vì chỉ vay giùm. Đó là lý do trong giấy vay tiền, hai bên không ghi thời gian trả và lãi suất mà chỉ thỏa thuận miệng khi nào ông Ng, bà Th cần tiền thì chỉ cần báo trước cho ông Đ, bà D.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình ông Ng, bà Th đã cung cấp giấy tay mượn tiền do ông Đ, bà D ghi ngày 27-7-2020. Xét thấy, theo khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp”. Đối chiếu với quy định này cho thấy nguyên đơn ông Ng, bà Th đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ chứng minh theo quy định của pháp luật.

Về phía bị đơn trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã ra Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với ông Đ, bà D nhưng hết thời hạn thông báo theo quy định của pháp luật ông Đ, bà D vẫn không có ý kiến phản hồi mặc dù bà D đã ký nhận các văn bản tố tụng do Tòa án tổng đạt gồm: Thông báo về việc thụ lý

vụ án, Biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa.

Tòa án đã tiến hành xác minh nơi sinh sống của ông Đ, bà D tại địa phương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú. Kết quả xác minh cho thấy ông Đ, bà D có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại địa chỉ: Thôn B (theo đơn khởi kiện nguyên đơn ghi địa chỉ của bị đơn là thôn A), xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì ông Đ, bà D là người có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra chứng cứ nên Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Từ những phân tích trên có đủ cơ sở để khẳng định ông Đ, bà D còn thiếu ông Ng, bà Th số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Do ông Đ, bà D đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên cần áp dụng Điều 466 của Bộ luật Dân sự để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, buộc ông Đ, bà D phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng), ghi nhận sự tự nguyện của ông Ng, bà Th về việc không yêu cầu ông Đ, bà D phải trả tiền lãi trên số tiền vay.

[3] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) có giá ngạch trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án là: $(250.000.000 \text{ đồng} \times 5\%) = 12.500.000 \text{ đồng}$ (Mười hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn tiền tạm ứng án phí, án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 228, 235; 266, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thành Ng, bà Lê Thị Th đối với bị đơn ông Vũ Văn Đ, bà Hoàng Thị D về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Vũ Văn Đ, bà Hoàng Thị D phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thành Ng, bà Lê Thị Th số tiền vay còn thiếu là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2.Về án phí: Ông Vũ Văn Đ, bà Hoàng Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn tiền tạm ứng án phí, án phí.

Bà Lê Thị Th được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án (ngày 25-01-2025). Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND H.Châu Đức;
- Chi cục THADS H.Châu Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Thị Thanh Nga